

Bản án số: 02/2021/DS-PT

Ngày: 07-01-2021

"V/v tranh chấp hợp đồng hội,
họ, biểu, phường"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng.

Các thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu và bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 48/2020/TLPT-DS ngày 04/11/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hội, họ, biểu, phường*”. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2020/QĐXX-PT ngày 07/12/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐ-PT ngày 30/12/2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn P, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tiến K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 3, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh K: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Trú tại: thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

5. Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Đặng Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị M: Luật sư Phạm Thị H, thuộc công ty Luật Hợp danh HV, Đoàn luật sư Hà Nội, có mặt.

6. Người kháng cáo: Anh Đặng Văn P, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Đặng Văn P trình bày: Vợ chồng nguyên đơn và anh Bùi Văn Đ, anh Nguyễn Tiến K là người cùng thôn. Năm 2012, anh Bùi Văn Đ đến rủ vợ anh là chị Phạm Thị M tham gia chơi ba phường gồm các phường 27/3/2012, 04/02/2012 và 16/02/2012 đều ghi ngày âm lịch (gọi tắt là các phường 27, 04 và 16) với hình thức chơi phường là có lãi. Theo chị M, chủ phường là anh Đ vì khi rủ chơi phường, nộp tiền, được chia lãi phường hàng tháng là do anh Đ thu, trả tiền phường, anh Đ có nói với chị M “*anh Đ cầm tiền mua phường thì chị M chỉ cần biết anh Đ không cần biết đến ai khác*” và chịu trách nhiệm với chị M. Chơi được một thời gian thì phường tan rã, vợ chồng anh có đến hỏi anh Đ thì anh Đ nói anh K mới là chủ phường, anh Đ chỉ là người cầm tiền, trả tiền hộ anh K và đưa cho anh một cuốn sổ học sinh có liên quan đến ghi chép phường 27, trong đó có biên bản phường, chữ ký, danh sách người chơi phường, các lần bốc phường.

Năm 2014 anh có đơn gửi công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tố cáo anh Bùi Văn Đ nhưng được trả lời là tố cáo không có căn cứ. Cơ sở anh khởi kiện anh Đ phải trả tiền phường vì đã đưa tiền phường cho anh Đ, tổng số tiền còn nợ 58.700.000 đồng và yêu cầu trả lãi tiền phường từ ngày 01/7/2013 âm lịch (tức ngày 07/8/2013 dương lịch) đến ngày 07/10/2019 là 74 tháng bằng 42.920.000 đồng, tổng cộng 109.920.000 đồng. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh K thừa nhận chị M có tham gia chơi cả ba phường do anh K và anh Đ là chủ phường nên khởi kiện bổ sung đối với anh K và chỉ yêu cầu số tiền nợ phường làm tròn 58.000.000 đồng. Việc anh K nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 58.000.000 đồng cho vợ chồng anh, anh cũng nhất trí nhưng với điều kiện phải trả ngay toàn bộ số tiền trên, thì anh không yêu cầu gì về lãi suất. T. hợp không trả được hết số tiền trên, anh vẫn yêu cầu anh Đ và anh K phải liên đới trả cho vợ chồng anh số tiền 58.000.000 đồng và tiền lãi suất kể từ ngày 01/7/2013 âm lịch đến khi xét xử theo lãi suất anh vay của Ngân hàng là 1%/tháng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Theo bị đơn – anh Nguyễn Tiến K trình bày: Anh và anh P, chị M chỉ là người cùng thôn, không có quan hệ họ hàng và từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì, anh với anh Đ có quan hệ họ hàng. Thời điểm đầu năm 2012, anh và

anh Đ có đứng lên tổ chức chơi phường (đồng chủ phường) và trực tiếp tham gia chơi các phường 27, 04 và 16. Việc chơi các phường là phường có lãi, có sổ phường. Cả 3 sổ phường, đều có biên bản phường, danh sách những người chơi phường, các trang tiếp theo là giấy nhận tiền phường do người bốc được phường nhận tiền ký tên; Đối với biên bản phường đều có nội dung ngày chơi phường, địa điểm tại nhà anh, số tiền trên một suất phường, thời gian bốc phường, chủ phường được lấy áp cái không phải mua bán gì (tức không phải trả lãi), thời gian đến bốc phường; quyền và nghĩa vụ của chủ phường là nếu có nhân viên bỏ ngang thì chủ phường phải bỏ tiền ra trả cho người chưa mua được phường, đối với người nào đã mua được phường mà bỏ thì chủ phường có quyền xử lý các đồ đạc của người đó để trả đủ số tiền người đó đã lấy hoặc chủ phường phải chịu trách nhiệm trả đủ tiền cho những người chưa được lấy phường. Anh xác nhận việc chị M (là vợ anh P) ở cùng thôn tham gia chơi cả ba phường, anh và anh Đ còn nợ chị M tổng cộng là 58.700.000 đồng.

Thực tế, anh và anh Đ đều là chủ phường chứ không phải một mình anh. Mặc dù giữa anh và anh Đ không có văn bản, giấy tờ thoả thuận là đồng chủ phường, các sổ phường đều ghi anh là chủ phường và có một số chữ ký là của anh, còn toàn bộ chữ viết ở 03 biên bản phường là do anh Đ viết và tự ký tên anh (Chủ phường Nguyễn Văn K), việc anh và anh Đ làm chủ phường thì có nhiều người biết, cụ thể là những người cùng chơi phường đều biết. Nay, anh P khởi kiện yêu cầu anh và anh Đ phải trả số tiền trên anh nhất trí. T. hợp anh Đ thoái thác trách nhiệm, anh xin tự nguyện trả toàn bộ số tiền 58.000.000 đồng nhưng xin trả dần và xin tiền lãi vì hoàn cảnh gia đình anh rất khó khăn.

- Theo bị đơn – anh Bùi Văn Đ trình bày: Về mối quan hệ giữa anh với anh K, vợ chồng anh P, chị M thì đúng như các đương sự đã trình bày. Thời điểm đầu năm 2012, anh cũng như chị M có tham gia chơi ba phường 27, 04 và 16 do anh K làm chủ phường. Khi lập phường thì có tất cả những người chơi phường cùng họp bàn, có các sổ phường, trong mỗi cuốn sổ phường đều có biên bản phường, danh sách những người chơi phường, các lần giao nhận tiền phường, có việc các sổ phường ở dưới mục chủ phường ghi là Nguyễn Văn K là do anh viết và ký. Lý do viết và ký ở mục chủ phường là lúc đó do anh K bận kiểm đếm tiền nhờ anh viết hộ, ký hộ để làm bằng chứng cho anh K sau này là đã thanh toán tiền mua phường cho mọi người chứ anh không phải chủ phường. Riêng sổ phường 27 là anh ghi để tự theo dõi và để biết, còn sổ phường 04 và 16 là do anh K giữ. Thời điểm năm 2012, anh có làm nhà cho anh P, chị M nhưng anh không rủ chị M chơi phường, không thu tiền phường của chị M. Vì anh không phải là đồng chủ phường với anh K nên anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P buộc anh phải liên đới cùng với anh K trả tiền nợ phường cho vợ chồng anh P, chị M.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị M trình bày:* Về các nội dung chị trực tiếp chơi ba phường, các lần đóng tiền phường và số tiền chưa được lĩnh chị nhất trí như trình bày của anh P, chị xác định thời điểm đầu năm 2012, anh Đ có làm nhà cho vợ chồng chị và là người rủ chị cùng chơi phường, sau khi tìm hiểu được biết bà L, bà C ở cùng thôn có tham gia chơi nên chị cũng đồng ý, anh Đ là người trực tiếp đến thu tiền phường và anh Đ có nói với chị *“chị chỉ biết em không cần biết đến ai khác, em chịu trách nhiệm với chị”*,chị không được tham gia họp phường, không biết chủ phường là ai. Có một lần chị đến nhà anh Nguyễn Tiến K bốc phường 04 cùng bà Lan (vợ ông Lưu Văn Đ), chị F (chồng tên Lưu Văn G và anh K, anh Đ cùng thôn. Chỉ đến khi phường tan rã, vợ chồng chị đến nhà anh Đ để đòi tiền thì anh Đ nói anh Nguyễn Tiến K mới là chủ phường và đưa cho chị quyển sổ phường 27, ngoài ra chị không có bất cứ giấy tờ, tài liệu gì liên quan đến việc chơi 03 phường. Số tiền 58.000.000 đồng đã nộp cho anh Đ chơi phường là tài sản chung của vợ chồng chị, chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh P, ngoài ra không có kiến gì khác.

- Tại bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 21/9/2020, TAND huyện Tứ Kỳ đã quyết định: Căn cứ vào Điều 479 BLDS 2005; các điều 280, 471, 688 BLDS năm 2015; các điều 14, 17, 19, 21, 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ,hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn P. Buộc anh Nguyễn Tiến K phải trả cho vợ chồng anh Đặng Văn P và chị Phạm Thị M tổng số tiền nợ phường 58.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 01/01/2014 đến ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/9/2020) là 33.785.000 đồng. Tổng cộng 91.785.000 đồng. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 01/10/2020, anh P kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Bùi Văn Đ có trách nhiệm trả cho anh toàn bộ số tiền gốc và lãi là 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị tính lãi trên số tiền gốc đến thời điểm xét xử phúc thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày có căn cứ xác định anh Đ là chủ phường nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Đ phải thanh toán tiền gốc, lãi phường cho nguyên đơn. Nếu hội đồng xét xử thấy kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận thì đề nghị buộc anh Đ, anh K phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi

thụ lý đến khi xét xử; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đặng Văn P có đơn kháng cáo. Anh P là người có quyền kháng cáo, làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo hợp lệ nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Bùi Văn Đ và anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh P:

Anh P kháng cáo cho rằng anh Đ phải là người có trách nhiệm trả cho anh số tiền nợ gốc và lãi là 90.000.000 đồng, không phải là anh Nguyễn Tiến K như bản án sơ thẩm xác định. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại các quyển sổ phường 27, phường 04 và phường 16, đều thể hiện chủ phường là anh Nguyễn Tiến K. Mặc dù anh K cho rằng anh và anh Đ là đồng chủ phường, tuy nhiên giữa hai người không có văn bản thoả thuận riêng với nhau là đồng chủ phường và không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Anh K là người giữ, quản lý các sổ phường, trong đó anh K đều biết các biên bản phường, các lần giao tiền chỉ ghi chủ phường là anh nhưng anh không phản đối, không có ý kiến gì. Lời khai của những người làm chứng như ông Phùng Văn C, chị Bùi Thị Thu F, bà Vũ Thị N, ông Phạm Văn L đều xác định anh Nguyễn Văn K là chủ phường và không biết anh Đ là ai. Mặt khác, chị M là người trực tiếp tham gia chơi phường có quyền yêu cầu chủ phường hoặc người giữ sổ phường cho xem sổ phường và cung cấp các thông tin liên quan đến phường theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về hội họ biểu phường, nhưng chính chị M không thực hiện đầy đủ quyền của mình, không yêu cầu được tham gia họp phường, do đó chính chị M cũng không biết chủ phường là ai. Chị M cho rằng do anh Đ là người rủ chơi phường, đến thu, trả tiền phường nhưng không có nghĩa anh Bùi Văn Đ là chủ phường. Anh Đ thừa nhận cầm tiền phường hộ chị M sau đó đã đưa cho anh K, anh K cũng thừa nhận các lần chị M đã nộp tiền phường do anh Đ đưa cho với tổng số tiền phù hợp với số tiền chị M đã nộp, điều đó cũng chỉ chứng minh chị M có tham gia chơi phường và nộp tiền phường chứ không có giá trị chứng minh anh Đ là đồng chủ phường. Do đó không có căn cứ buộc anh Đ trả cho anh P số tiền 58.000.000 đồng tiền gốc và

lãi nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa anh P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P, chỉ M đề nghị tính lãi trên số tiền gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng phường, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi xét xử phúc thẩm theo điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận nội dung kháng cáo bổ sung của nguyên đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[3] Về án phí: Anh P kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Văn P giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Đặng Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0009918 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, anh P đã nộp đủ án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/01/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Tứ Kỳ;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hải Bằng